

## Xu hướng giảm trung hạn

### Thông tin chỉ số VN30

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1,065 điểm. Về hoạt động khối ngoại, hoạt động bán tăng mạnh và chiếm ưu thế với giá trị bán ròng ghi nhận ở mức 330 tỷ đồng, dẫn dắt chủ yếu bởi lực bán trên VHM, VRE, và MSN.

### Đò thị VN30 Future: Kiểm định lại vùng 1,050 điểm

Áp lực bán tăng mạnh trên hợp đồng VN30F2311, phá vỡ đường MA200 và xác nhận xu hướng giảm dài hạn. Các đường MA chủ đạo di chuyển hướng xuống, điều này hàm ý rằng đà giảm đang hiện hữu và xu hướng tăng đã hoàn toàn biến mất. Áp lực bán quanh vùng 1,100 điểm vẫn duy trì và chưa được hấp thụ hoàn toàn, do vậy vùng này sẽ là vùng kháng cự quan trọng. Tín hiệu mua đã hoàn toàn biến mất trong giai đoạn này. Tuy nhiên, áp lực bán đã đạt đến cực đại và giai đoạn quá bán đã xuất hiện. Do vậy, khả năng cao nhịp hồi trong phiên sẽ xuất hiện. Trong giai đoạn này, vị thế bán mới rất rủi ro do độ biến động đang ở mức cao. Do vậy, traders nên chờ giai đoạn tích lũy ngắn hạn để có điểm giao dịch tốt hơn.

### Chiến lược đầu tư

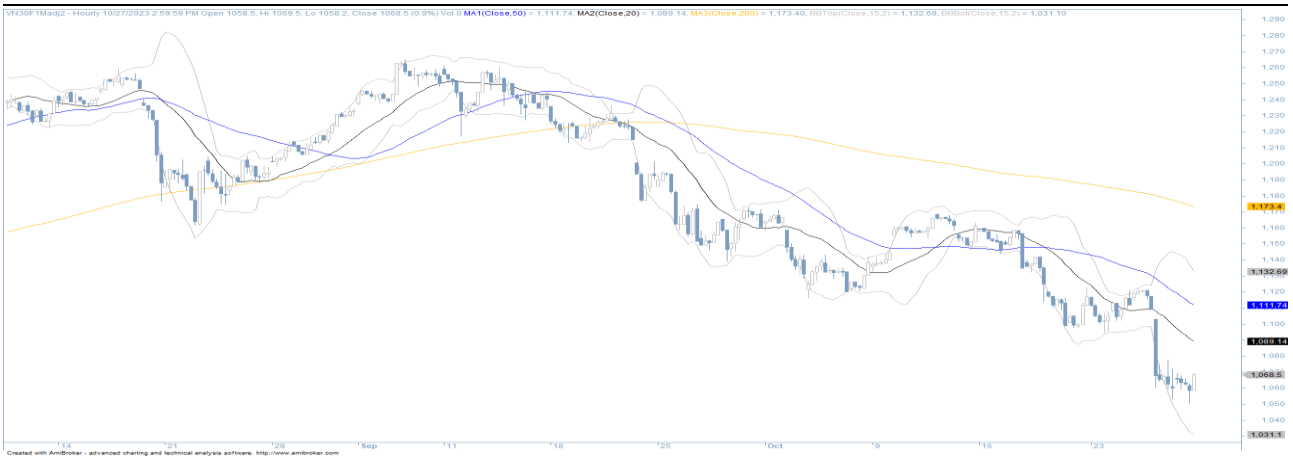
Trong giai đoạn này, vị thế bán mới rất rủi ro do độ biến động đang ở mức cao. Do vậy, traders nên chờ giai đoạn tích lũy ngắn hạn để có điểm giao dịch tốt hơn.

**Bảng 1. Thống kê hợp đồng tương lai**

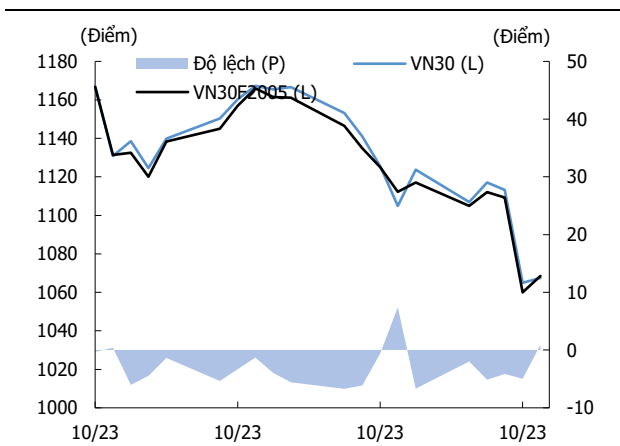
(điểm, %, hợp đồng)

	Giá đóng cửa	+/- %	KL giao dịch	KL Mở	Fair Value	Ngày thanh toán
VN30 Index	1,067.6	0.8				
VN30F2311	1,068.5	0.8	369,861	48,698	1,066	16/11/23
VN30F2312	1,062.0	0.7	1,881	2,290	1,068	21/12/23
VN30F2403	1,061.2	(0.2)	139	392	1,074	21/03/24
VN30F2406	1,056.0	-	88	161	1,079	20/06/24

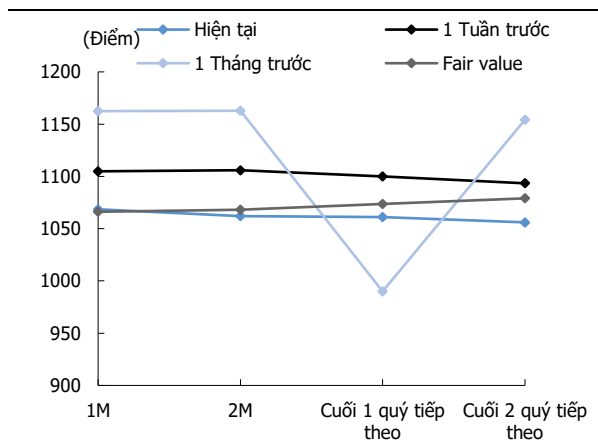
Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 1. Đồ thị nến theo giờ - VN30**

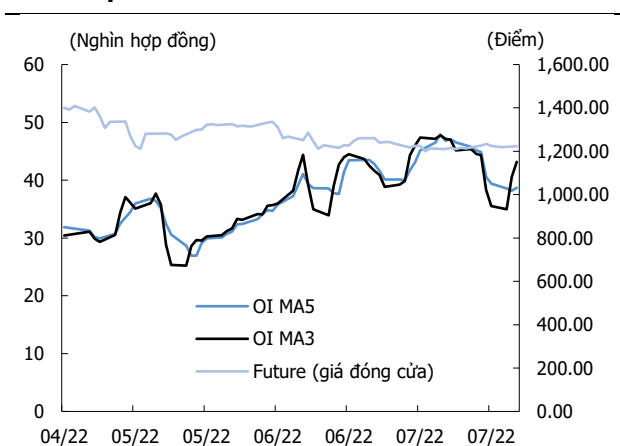
Nguồn: Bloomberg, KIS. Giá được điều chỉnh theo phương pháp Continuous Adjustment

**Hình 2. Độ lệch**

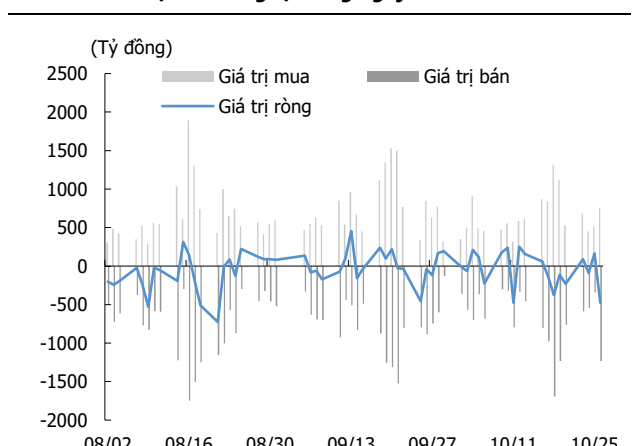
Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 3. Đường cong giá hợp đồng tương lai**

Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 4. Open interest**

Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 5. Giao dịch khối ngoại hàng ngày**

Nguồn: Bloomberg, KIS

**Bảng 2. Danh sách cổ phiếu VN30**

(Tỷ đồng, đồng, %, x, nghìn CP)

Mã	Tên	Ngành	Vốn hóa	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	% ngày	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
ACB	ACB	Tài chính	83,701	6.59	21,550	2.1	5.6	1.25	7,886	30.0	24,400	15,565
BCM	Becamex IDC	Tài chính	61,065	0.23	59,000	(1.0)	177.6	3.61	241	2.3	86,000	56,500
BID	BIDV	Tài chính	212,458	0.79	42,000	3.6	10.5	1.94	1,370	17.2	49,500	31,550
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	29,322	0.27	39,500	1.2	17.5	1.38	646	26.5	53,400	38,800
CTG	VietinBank	CNTT	135,522	1.88	28,200	(0.5)	7.8	1.16	5,989	27.2	33,650	22,000
FPT	FPT Corp	Dịch vụ tiện ích	110,487	8.69	87,000	0.2	18.0	4.67	2,426	49.0	100,800	53,304
GAS	PV Gas	Nguyên vật liệu	178,227	0.82	77,600	2.8	14.0	2.70	651	2.4	100,000	75,500
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Tài chính	77,200	0.29	19,300	1.0	26.9	1.55	3,240	0.3	23,700	9,300
HDB	HDBank	Nguyên vật liệu	49,896	3.23	17,250	1.5	5.9	1.21	6,024	19.7	18,050	11,348
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	135,775	6.91	23,350	2.4	7.4	1.39	26,183	24.8	29,400	11,800
MBB	MBBank	Tài chính	90,986	4.63	17,450	1.5	5.0	1.11	9,813	23.2	19,700	11,478
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	82,703	3.45	57,800	(5.9)	62.7	3.11	2,004	29.3	110,000	57,200
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	61,428	4.26	42,000	0.0	39.4	2.65	7,548	47.1	59,300	35,250
PLX	Petrolimex	Bất động sản	41,930	0.39	33,000	0.3	15.7	1.69	1,271	17.2	42,200	22,950
POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	Bất động sản	25,761	0.60	11,000	1.9	16.3	0.83	8,239	4.7	14,200	8,910
SAB	SABECO	Năng lượng	80,930	0.82	63,100	(4.7)	19.7	3.21	531	61.9	99,500	62,100
SHB	SHB	Tài chính	37,275	2.76	10,300	2.5	8.1	0.78	18,543	6.1	13,600	6,072
SSB	SeABank	Dịch vụ tiện ích	62,692	3.48	25,550	0.2	18.2	2.26	1,350	0.1	31,300	23,075
SSI	Chứng khoán SSI	TD thiết yếu	44,150	2.86	29,450	2.6	21.9	1.96	27,096	45	37,000	13,050
STB	Sacombank	Tài chính	54,106	5.01	28,700	2.1	8.0	1.29	21,898	23.5	33,700	14,450
TCB	Techcombank	Tài chính	103,934	6.25	29,550	(0.8)	6.1	0.83	5,115	22.5	36,150	19,300
TPB	TPBank	Tài chính	35,666	1.98	16,200	1.3	6.5	1.10	7,000	29.8	20,100	13,183
VCB	Vietcombank	Tài chính	475,073	4.84	85,000	0.6	14.1	3.13	1,220	23.5	93,700	58,340
VHM	Vinhomes	Tài chính	170,691	3.95	39,200	(6.2)	14.0	1.40	5,618	24.9	66,200	38,900
VIB	VIBBank	Bất động sản	45,916	2.13	18,100	4.3	5.1	1.35	4,972	20.5	22,000	13,500
VIC	VinGroup	Bất động sản	158,660	4.41	41,600	0.0	79.0	1.26	12,682	12.8	76,600	38,700
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	54,053	2.50	99,800	0.0	30.1	3.64	984	17.5	118,000	92,900
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	142,117	5.26	68,000	1.5	19.4	4.25	2,949	55.2	85,600	65,500
VPB	VPBank	Tài chính	160,265	8.79	20,200	0.0	13.2	1.29	16,647	13.7	23,150	13,650
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	52,036	1.93	22,900	(6.9)	12.5	1.42	5,375	33.3	32,000	22,900

Nguồn: Bloomberg, KIS

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.